|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 1 |
| Tên use case | Đặt sách |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép khách hàng thực hiện đặt sách online |
| Actor Chính | Khách hàng |
| Actor Phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Khách hàng đã đăng nhập thành công.  Khách hàng đã chọn những sách muốn mua |
| Hậu điều kiện | Gửi thông báo đến khách hàng là đã đặt hàng thành công |
| Luồng hoạt động | 1. Khách hàng chọn chức năng “Đặt sách” 2. Hệ thống yêu cầu đăng nhập 3. Khách hàng đăng nhập vào hệ thống 4. Hệ thống yêu cầu khách hàng nhập thông tin địa chỉ, chọn phương thức thanh toán. 5. Người dùng điền thông tin 6. Hệ thống yếu cầu xác nhận đơn hàng. 7. Khách hàng xác nhận đơn hàng 8. Hệ thống gửi thông báo: đặt hàng thành công |
| Luồng thay thế | * Ở bước 2, người dùng được nhập password tối đa 3 lần |
| Luồng ngoại lệ | * Ở bước 2, nếu đăng nhập không thành công thì hệ thống buộc khách hàng đợi 30s để có thể đăng nhập 3 lần nữa |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 2 |
| Tên use case | Tra cứu sách |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép khách hàng thực hiện tra cứu thông tin sách |
| Actor Chính | Nhân viên, khách hàng |
| Actor Phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Không có |
| Hậu điều kiện | Hiển thị kết quả tìm kiếm |
| Luồng hoạt động | 1. Khách hàng/Nhân viên chọn chức năng “Tra cứu sách” 2. Khách hàng/Nhân viên điền thông tin cần tra cứu 3. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu |
| Luồng thay thế | Không có |
| Luồng ngoại lệ | Ở bước 2, nếu hệ thống không tìm thấy sách chứa thông tin khách/nhân viên tra cứu thì hiển thị “Không tìm thấy sách” |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 3 |
| Tên | Lập hóa đơn |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép nhân viên tạo hóa đơn |
| Actor chính | Nhân viên |
| Actor phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Nhân viên đã đăng nhập |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị tạo hóa đơn thành công |
| Luồng hoạt động | 1. Nhân viên chọn chức năng “Lập hóa đơn”. 2. Hệ thống yêu cầu điền thông tin hóa đơn 3. Nhân viên điền thông tin hóa đơn 4. Nhân viên yêu cầu hệ thống tạo hóa đơn 5. Hệ thống tạo hóa đơn |
| Luồng thay thế | Không có |
| Luồng ngoại lệ | Không có |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 4 |
| Tên | Lập phiếu thu tiền |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép nhân viên tạo phiếu thu tiền |
| Actor chính | Nhân viên |
| Actor phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập, đã tạo hóa đơn |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị tạo phiếu thu tiền thành công |
| Luồng hoạt động | 1. Nhân viên chọn chức năng “Lập phiếu thu tiền” 2. Hệ thông yêu cầu điền thông tin hóa đơn cần lập phiếu thu 3. Nhân viên nhập thông tin 4. Nhân viên yêu cầu tạo phiếu thu 5. Hệ thống tạo phiếu thu tiền |
| Luồng thay thế | Không có |
| Luồng ngoại lệ | * Ở bước 2, nếu thông tin hóa đơn không chính xác thì hệ thống hiển thị lỗi “Thông tin không đúng” |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 5 |
| Tên | Lập phiếu nhập sách |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép nhân viên tạo phiếu nhập sách |
| Actor chính | Nhân viên |
| Actor phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị tạo phiếu nhập sách thành công |
| Luồng hoạt động | 1. Nhân viên chọn chức năng “Lập phiếu nhập sách” 2. Hệ thống yêu cầu nhân viên nhập thông tin 3. Nhân viên nhập thông tin 4. Nhân viên yêu cầu tạo phiếu nhập sách 5. Hệ thống tạo phiếu nhập sách |
| Luồng thay thế | Không có |
| Luồng ngoại lệ | Không có |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 6 |
| Tên | Đăng nhập |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép nhân viên, khách hàng, admin đăng nhập vào hệ thống |
| Actor chính | Nhân viên, khách hàng, admin |
| Actor phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Đã có tài khoản |
| Hậu điều kiện | Hiển thị trang chủ bán sách |
| Luồng hoạt động | 1. Nhân viên/ khách hàng/ admin nhập tài khoản và mật khẩu 2. Nhân viên/ khách hàng/ admin yêu cầu đăng nhập 3. Hệ thống chuyển tới trang chủ của Nhân viên/ khách hàng/ admin |
| Luồng thay thế | * Ở bước 2, người dùng được nhập username, password tối đa 3 lần |
| Luồng ngoại lệ | * Ở bước 2, nếu đăng nhập không thành công thì hệ thống buộc khách hàng đợi 30s để có thể đăng nhập 3 lần nữa |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 7 |
| Tên | Lập báo cáo tháng |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép nhân viên lập bản báo cáo tháng: báo cáo tồn, báo cáo công nợ |
| Actor chính | Nhân viên |
| Actor phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị tạo báo cáo thành công |
| Luồng hoạt động | 1. Nhân viên chọn chức năng “Lập báo cáo tháng” 2. Hệ thống yêu cầu nhập thông tin 3. Nhân viên nhập thông tin 4. Nhân viên yêu cầu tạo báo cáo 5. Hệ thống tạo báo cáo |
| Luồng thay thế | Không có |
| Luồng ngoại lệ | Không có |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 8 |
| Tên | Thay đổi quy định |
| Mô tả vắn tắt | Use case cho phép admin toàn quyền thay đổi các quy định hiện hành |
| Actor chính | Administrator |
| Actor phụ | Không có |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị thay đổi quy định thành công |
| Luồng hoạt động | 1. Admin chọn chức năng “thay đổi quy định” 2. Hệ thống yêu cầu admin chỉnh sửa thông tin cần thay đổi 3. Admin thay đổi các quy định 4. Admin yêu cầu hệ thống lưu những thay đổi 5. Hệ thống thay đổi các quy định vừa chỉnh sửa |
| Luồng thay thế | Không có |
| Luồng ngoại lệ | Không có |